

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/06/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	17	0		17	0	
2		RP1+TD1+P3	7:25	14+8+0	0+0+0		7+13+0	0+0+0	CHUYEN 2 TD1 P3
3		RP2+BK6+P2	7:25	20+0+2	0+0+0		15+3+4	0+0+0	
4		JS2+VSP02+TD5	7:25	20+1+1	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
5		RP3+RP2	9:25	17+5	0+0		12+10	0+0	
6		JS2+RC5+RC4	9:25	5+5+5	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
7		RC3+RP1-RCDM	9:25	3+11+8	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
8		P7+CI+RP1	9:25	9+0+13	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
9		TTC2+P4+RP3	11:25	4+7+9	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
10		RP2+TD3	11:25	11+11	0+0		10+12	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:27
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HHai - Toàn	ETA: 10:40
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH TUẤN	BK THIE	62	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
2	MAKSIMOV D.C	BK THIE	58	1	5		107	KH-THAC	Russian
3	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	65	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK THIE	49	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	BK THIE	55-56	2	13	29	70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH TRI	BK THIE	50	1	3	65	68	KH-THAC	Vietnamese
7	KHÔNG THAI BÌNH	BK THIE	46	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	VU XUAN THANH	BK THIE					75	KH-THAC	Vietnamese
9	LE QUỐC TIẾN	BK THIE	54	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
10	VU TIEN VINH	BK THIE	72	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHINH	BK THIE	47	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NAM	BK THIE	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	KLY	BK THIE	53	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VU QUANG THÔNG	BK THIE					70	KH-THAC	Vietnamese
15	GIANG TRUNG HIEU	BK THIE	51	1	5		105	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG HIEU	BK THIE	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU THẾ ANH	BK THIE	52	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH THUẬN	BK THIE	63	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG NGOC MINH	BK THIE	64	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	19	18	99	1.406	94	18		
	TOTAL	19	18	99	1.406	94	18		
	WEIGHT KG			99	1.406	94			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2019	TO: RP1 - TD1 - P3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO -	ETA: 09:10
XANH-1		MQUAN	

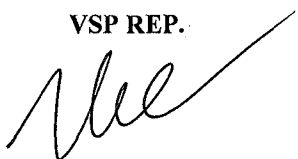
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RP1	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAN	RP1	67	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG BA ĐIỀU	RP1	68	1	3		59	YTE	Vietnamese
4	LÊ TRI KHANH	RP1	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HUY TAM	RP1	71-72	2	12	15	60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NANG	RP1	73	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
8	ZAKHARIN	RP1	74	1	9		108	KH-THAC	Russian
9	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	75	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TUẤN ANH	RP1	76-77	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI NGOC LONG	RP1	79	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	RP1	80	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ ĐỨC VƯƠNG	RP1	81	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG CÔNG THẠNH	RP1	82	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG NHẬT THANH	TD1	597	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TU TUẤN TU	TD1	598-599	2	20		81	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	67	1	14		79	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THƯ	TD1	68	1	13		65	DVL	Vietnamese
19	LÀ MINH TU	TD1	94	1	11		57	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HỒNG PHƯỚC	TD1	95	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DINH NGŨ	TD1	96	1	4	50	60	KH-THAC	Vietnamese
22	TRỊNH VĂN TIẾN	TD1	97	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

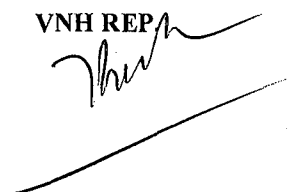
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	14	16	91	1.015	15	6		CHUYEN 2 PAX TU TD1 SANG P3
2	TD1	8	9	86	575	50	14	2	
3	P3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	25	177	1.590	65	20		
WEIGHT KG				177	1.590	65			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2019	TO: RP2 - BK6 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	26	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	20	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH XUÂN GIANG	RP2	16	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TARASENKO ALECHXAY	RP2	23	1	10		70	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN DOÀN BÌNH	RP2	30	1	5		66	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	25	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	19	1	3	10	60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	RP2	21-22	2	5	75	74	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI QUANG THUẬN	RP2	29	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	14	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	27	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC TRƯỞNG	RP2	13	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ HỮU QUÂN	RP2	24	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN SAU	RP2	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC OANH	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
20	VÕ HOANG CAM	RP2	15	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
21	HA THE BAO	P2	79	1	5	15	75	KHI	Vietnamese
22	BUI SONG TOAN	P2	80	1	5		75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	20	18	83	1.325	85	15		
2	BK6	0	0	0	0	35	3		
3	P2	2	2	10	150	15	4		
TOTAL		22	20	93	1.475	135	22		
WEIGHT KG				93	1.475	135			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2019	TO: JS2 - VSP02 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ATUẤN - Vận - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC LÊ	JS2	76	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
2	ANATOLI GLYBOVSKI	JS2	46	1	8		76	KH-THAC	Russian
3	JEFFERY DELPHIN MARIUS	JS2	73-74	2	10		85	KHOAN	Indian
4	GRAHAM MACDONALD FRASER	JS2	81	1	10		80	KHOAN	British
5	NICOLAS FERRER	JS2	79-80	2	17		75	KHOAN	French
6	NGUYEN VAN HONG	JS2	43-44	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM NGOC BIEN	JS2	82	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	CAO DUC ANH	JS2	70-71	2	8		60	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM QUANG HUNG	JS2	68	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG HA	JS2	72	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THAI HOP	JS2	40-41	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM MINH NGOC	JS2	77	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	DANG VAN THUC	JS2	69	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	DANG THE THANH	JS2	39	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	TA NGOC HA	JS2	67	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
16	HUYNH KIM TRI	JS2	53	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHUC	JS2	42	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ANH DUC	JS2	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	BUI CAO HUY	JS2	78	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
20	BUI VAN LỢI	JS2	75	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN THI MINH HIEU	VSP02	45	1	5		51	D-HANH	Vietnamese
22	TRAN VAN NGHIA	TD5	91	1	10		84	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	20	25	153	1.412	0	19		
2	VSP02	1	1	5	51	0	1		
3	TD5	1	1	10	84	0	2		
TOTAL		22	27	168	1.547	0	22		
WEIGHT KG				168	1.547	0			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

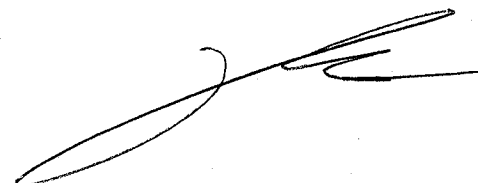
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2019	TO: RP3 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO -	ETA: 11:10
XANH-2		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN MINH	RP3	18	1	6		85	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN TRI CHUNG	RP3	26	1	2		52	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH DONG	RP3	85	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
4	DO QUANG TO	RP3	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE TRONG LINH	RP3	19	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	DU TRAN HUNG	RP3	31-32	2	17		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG *TT	RP3	27	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN SY DIEP	RP3	22-23	2	11		81	KH-THAC	Vietnamese
9	DANG HAI HA	RP3	25	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN DONG	RP3	24	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN QUY HAI	RP3	28-29	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM DUY NHIEN	RP3	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM QUOC CHE	RP3	86	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG CHUNG THUY	RP3	20-21	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN HOI	RP3	16	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CONG HUNG	RP3	30	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU MAU	RP3	14	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE CHI CONG	RP2	71	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VIET TRUONG	RP2	94	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN HUNG	RP2	95	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO DUY LUNG	RP2	72	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
22	TRAN THI THU HA	RP2	96	1	4		52	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	21	128	1.195	0	12		
2	RP2	5	5	22	337	0	10		
TOTAL		22	26	150	1.532	0	22		
WEIGHT KG				150	1.532	0			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2019	TO: JS2 - RC5 - RC4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ATUÁN - Vậ - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH ĐỨC	JS2	56	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
2	TRỊNH QUỐC KHÁNH	JS2	54	1	10		100	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG HOAN	JS2	55	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VIỆT DŨNG	JS2	57	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
5	TÔNG VĂN THE	JS2	58	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
6	CAO THANH HOP	RC5	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH MINH SANG	RC5	12	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CONG HUNG	RC5					55	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH VAN LIEN	RC5	13	1	3	50	63	KH-THAC	Vietnamese
10	DINH VAN LUU	RC5	17-18	2	17		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN HONG	RC5	10	1	7		51	PSV	Vietnamese
12	LE THANH BINH	RC5	19	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VO VAN DONG	RC5	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	18	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG TIN	RC4	24-25	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	RC4	20	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH MINH TRI	RC4	19	1	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	16-17	2	17		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	5	5	39	367	0	6		
2	RC5	8	8	51	519	50	10		
3	RC4	5	7	46	346	50	6		
TOTAL		18	20	136	1.232	100	22		
WEIGHT KG				136	1.232	100			

GRAND TOAL: 1.468 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2019	TO: RC3 - RP1 - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Toan	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU LE TRUNG	RC3	04-05	2	18		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HIEU	RC3	06	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG NGOC THANH	RC3	09	1	7		97	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN TINH	RC3	08	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NGOC LAN	RC3				55	80	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG MINH KHANH	RC3	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THE MANH	RC3					76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO KHANH NAM	RC3	07	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU THANH	RC3	11	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
10	DAO XUAN THO	RC3	13	1	18		67	GETRACO	Vietnamese
11	NGUYEN DUY CANH	RC3	12	1	7		51	GETRACO	Vietnamese
12	PHAN TRONG HIEU	RP1	91	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	HA QUOC HOAN	RP1	89	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG THONG	RP1	34	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET BANG	RP1	90	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
16	DINH VAN THONG	RP1	92	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUANG TUYEN	RCDM	36	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN THUAN	RCDM	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LA	RCDM				35	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TOAN	RCDM	38	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
21	VO VAN THANH	RCDM	35	1	7		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

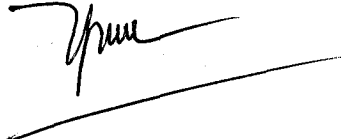
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	11	10	87	765	55	12		
2	RP1	5	5	28	360	0	1		
3	RCDM	5	4	26	327	35	9		
TOTAL		21	19	141	1.452	90	22		
WEIGHT KG				141	1.452	90			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2019	TO: P7 - CLI - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO -	ETA: 13:10
NAU-3		MQUAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG VIET HOP	P7	10-11	2	20		62	DUY LINH	Vietnamese
2	ĐẶNG TRẦN LONG	P7	06	1	7		55	DUY LINH	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN HUNG	P7					74	DUY LINH	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH ĐÀO	P7	12-13	2	15		70	DUY LINH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CAO	P7	16-17	2	14		62	DUY LINH	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG HẬU	P7	07	1	9		66	DUY LINH	Vietnamese
7	ĐẶNG TRỌNG DUƠNG	P7	05	1	12		66	DUY LINH	Vietnamese
8	ĐẶNG TRỌNG ĐÔNG	P7	08-09	2	14		79	DUY LINH	Vietnamese
9	VU VĂN THANH	P7	14-15	2	20		57	DUY LINH	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH HOA	RP1	86	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NAM TRUNG	RP1	83	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN THANH	RP1	87	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HUNG	RP1	84	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	90	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM BA TÀI	RP1	93	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TÀNG THANH DÂN	RP1	91	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TỔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	88-89	2	18		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VU BA NẾP	RP1	94-95	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LY BANG	RP1	92	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	9	13	111	591	0	0		
2	CLI	0	0	0	0	0	4		
3	RP1	11	13	84	762	0	18		
TOTAL		20	26	195	1.353	0	22		
WEIGHT KG				195	1.353	0			

GRAND TOAL: 1.548 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/06/2019	TO: TTC2 - P4 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Vận - Linh - PTUẤN	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ THÁI QUỐC	TTC2	83	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT LỘC	TTC2	87-89	3	15		57	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ ANH	TTC2	86	1	15		85	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH DŨNG	TTC2				30	75	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	P4	37	1	5		73	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH TRUNG	P4	75	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN THANH	P4	71-72	2	15		78	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁC THÔNG	P4	74	1	5	25	63	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG THẾ ANH	P4	82-83	2	8		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	P4	80-81	2	15		62	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NHƯ Y	P4	78-79	2	10		60	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤN TRỌNG	RP3	34	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	43	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH QUANG THÀNH	RP3	37-38	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO ĐỨC THANH	RP3	41	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH TẤN NGON	RP3	35-36	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HAI HÀ *TT	RP3	47	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	46	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VÕ THANH LAM	RP3	39-40	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG THANH SƠN	RP3	42	1	13		64	XAYLAP	Vietnamese
21	VÕ HỒ HAI	RP3	33	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO VIỆT HAI	RP3	44-45	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	5	40	287	30	0		
2	P4	7	11	63	468	25	4		
3	RP3	11	15	72	742	0	18		
TOTAL		22	31	175	1.497	55	22		
WEIGHT KG				175	1.497	55			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/06/2019	TO: RP2 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	97-98	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG ĐAN	RP2	999	1	7	30	60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUANG HUY	RP2	37	1	5		100	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SANG	RP2	38	1	5		67	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ ANH MINH	RP2	97-98	2	15		71	T-TIN	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC HUY	RP2	199,700	2	17		65	T-TIN	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÀI	RP2	12	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
9	VŨ THANH NHẬT	RP2	99	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
10	VŨƠNG KHÁ KIỀU	RP2	36	1	4		68	GETRACO	Vietnamese
11	LƯƠNG XUÂN THANH	TD3	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	KHALIMOV AIDAR	TD3	10	1	15		90	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD3	08-09	2	17		65	BAKER HU	Vietnamese
14	BUI SỸ HIỂU	TD3	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG MẠNH	TD3	04	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIỀN THỨC	TD3	13	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG ANH HÙNG	TD3	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG MINH SƠN	TD3	02	1	12		72	ANTOAN	Vietnamese
19	PHAN THANH TÀI	TD3	07	1	5		52	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NAM SƠN	TD3	03	1	7		82	GETRACO	Vietnamese
21	NGO NGỌC VINH	TD3	05-06	2	12		62	DICHVU	Vietnamese
22	TELESHENKO	TD3	01	1	15		106	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	13	77	701	30	10		
2	TD3	12	14	113	869	40	12		
TOTAL		22	27	190	1.570	70	22		
WEIGHT KG				190	1.570	70			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/06/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		HST+AMD+CTK3	7:25	4+5+13	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
2		PPD+BK4+RP2	7:25	20+1+1	0+0+0		19+2+1	0+0+0	
3		CTK3+BK6+TGT5	7:25	20+0+2	0+0+0		16+3+3	0+0+0	
4		TD3+VSP02	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
5		TD5+VSP02+BK9	9:25	2+15+5	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
6		BK16+P10+P3	9:25	17+4+0	0+0+0		15+0+7	0+0+0	
7		TD1+BK16+BK14	11:25	9+7+6	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
8		CNV+AMD+HST	11:25	11+8+3	0+0+0		7+7+8	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
4 người đi HST về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/06/2019	TO: HST - AMD - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hồi - TRƯỜNG - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HY TAC SANG	HST	51-52	2	15		72	TLJOC	Vietnamese
2	DANG TAN TRUNG	HST					57	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC CHI HIEU	HST	94	1	7		75	TLJOC	Vietnamese
4	TRAN PHI HUNG	HST	48-50	3	8		57	TLJOC	Vietnamese
5	NGUYEN DUY LAM	AMD	42	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
6	PHAM VU THANG	AMD	43	1	11		75	TLJOC	Vietnamese
7	TRAN HIEU THAO	AMD	40	1	5	80	55	KH-THAC	Vietnamese
8	YA LOC	AMD	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN NGOC PHUC	AMD	41	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM XUAN HOA	CTK3					75	YTE	Vietnamese
11	DOAN QUANG CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG THANH HOA	CTK3	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TIEN DUNG	CTK3	65	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN THAI	CTK3	97	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	96	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ANH DUC	CTK3	73-74	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
17	DO VAN TRI	CTK3	70	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN MINH	CTK3	72	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN BAC	CTK3	69	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
20	DAO THE HUNG	CTK3	71	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN XUAN THANH	CTK3	68	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
22	DOAN NGOC THUONG	CTK3	66-67	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

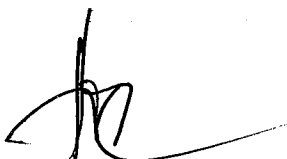
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	4	6	30	261	0	0		
2	AMD	5	5	36	327	80	7		
3	CTK3	13	13	75	846	0	15		
TOTAL		22	24	141	1.434	80	22		
WEIGHT KG				141	1.434	80			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/06/2019	TO: PPD - BK4 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH THANG	PPD	79	1	5	70	50	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VAN THANG	PPD	80-81	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	LE SY KHOA	PPD	69	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN VINH	PPD	78	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VAN DUONG	PPD	75	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
6	TO QUANG HUY	PPD	77	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
7	DO XUAN HA	PPD	84	1	12		54	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH VAN NHA	PPD	73-74	2	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG NHAT QUANG	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TRUNG	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DANH TUAN	PPD	85	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN VAN THUAN	PPD	70	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG KHOI	PPD	83	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUY HOANG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH NAM	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC CU	PPD	72	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO SACH DUC	PPD	71	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN SON	PPD	76	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LE QUANG NINH	PPD					65	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN SA	PPD	82	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TUYEN	BK4	43-44	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN MINH TAM	RP2	55	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	17	79	1.340	70	19		
2	BK4	1	2	20	59	0	2		
3	RP2	1	1	7	60	0	1		
TOTAL		22	20	106	1.459	70	22		
WEIGHT KG				106	1.459	70			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/06/2019	TO: CTK3 - BK6 - TGTH5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	06	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	05	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VIỆT HÙNG	CTK3	11	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI MINH HAI	CTK3	12	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	13	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH QUANG HOAN	CTK3					65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG THIỆU THÀNH	CTK3	14	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY TUÂN	CTK3	16	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	09	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT LONG	CTK3	15	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3	10	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	07	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	08	1	3		48	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO VĂN THAO	CTK3	03	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THIÊN NAM	CTK3	02	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH PHỤNG	CTK3	01	1	5		62	ANTOAN	Vietnamese
17	PHẠM THANH NGHĨA	CTK3	04	1	6		94	ANTOAN	Vietnamese
18	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	17	1	10		75	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN KHANH	CTK3	18	1	2		72	PSV	Vietnamese
20	DUONG VAN HANH	TGTH5	99,66	2	14		57	HLJOC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU LUẬT	TGTH5	97-98	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

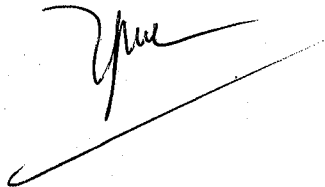
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	18	91	1.355	0	16		
2	BK6	0	0	0	0	25	3		
3	TGTH5	2	4	21	124	0	3		
TOTAL		21	22	112	1.479	25	22		
WEIGHT KG				112	1.479	25			

GRAND TOAL: 1.616 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/06/2019	TO: TD5 - VSP02 - BK9	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Hạnh - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TUAN HAI	TD5	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TRI	TD5	92	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN LUONG HA	VSP02	21	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO ĐỨC TRI	VSP02	24	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUY PHUC	VSP02	01	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN GIA KHANH	VSP02	22	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	19	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN GIA LONG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CONG QUAN	VSP02	25	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN THE CUONG	VSP02	17	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH DAN	VSP02					69	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VĂN PHU	VSP02	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG QUANG TUYEN	VSP02	15	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	23	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM HUU DAT	VSP02	26	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUY THONG	VSP02	20	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
17	LE MANH HUNG	VSP02	18	1	11		75	ANTOAN	Vietnamese
18	VU QUY HOANG	BK9	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	VO THE HAU	BK9					68	KH-THAC	Vietnamese
20	LE TRUONG AN	BK9	35	1	5	90	80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO ĐỨC THẮNG	BK9	56	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC KHANH	BK9	36	1	4		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

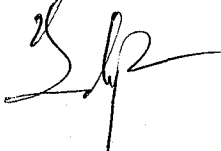
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	2	13	140	40	0		
2	VSP02	15	13	68	1.037	0	9		
3	BK9	5	4	20	338	90	13		
TOTAL		22	19	101	1.515	130	22		
WEIGHT KG				101	1.515	130			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/06/2019	TO: TD3 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HỒI - TRƯỜNG - LUY	ETA: 11:10
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN QUANG	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	18-19	2	17		90	KHOAN	Vietnamese
3	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	16-17	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	61	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG CAO TRÍ	VSP02	54-55	2	12		80	YTE	Vietnamese
6	BODAN KARPENKO	VSP02	57	1	12		88	KH-THAC	Russian
7	SERGIENKO SERGEY	VSP02	60	1	10		75	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN VĂN LÀNH	VSP02	49	1	12		66	PHATECO	Vietnamese
9	NGÔ SỸ HÀ	VSP02	53	1	5		55	PHATECO	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC PHI	VSP02	50	1	7	50	72	PHATECO	Vietnamese
11	ĐỖ TÂN BÌNH	VSP02	51	1	10		65	PHATECO	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KHÔI	VSP02	52	1	5		55	PHATECO	Vietnamese
13	NG. QUỐC TUÂN	VSP02	56	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	46	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	47-48	2	7		90	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGỌC ĐÔNG	VSP02	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	58	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	63	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	VSP02	59	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	62	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	3	4	27	253	0	0		
2	VSP02	19	20	129	1.335	50	22		
TOTAL		22	24	156	1.588	50	22		
WEIGHT KG				156	1.588	50			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/06/2019	TO: BK16 - P10 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - Linh - N Nam	ETA: 11:15
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỀ	BK16	55-56	2	18	7	74	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TUÂN NGỌC	BK16	81	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NINH VĂN SƠN	BK16	88-89	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	BK16	34	1	8		90	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI VĂN HỘI	BK16	49-50	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN VĂN HỌC	BK16	86-87	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC NAM	BK16	51-52	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LE XUAN HAI	BK16	30-31	2	12		85	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	BK16	32-33	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN HOAN	BK16	94	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐIỀU VĂN THÔNG	BK16	58	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	DANG XUAN THANG	BK16	10-11	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐANG XUAN QUY	BK16	47-48	2	18	5	65	XAYLAP	Vietnamese
14	LE VAN NHAN	BK16	91-92	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN NAM	BK16	93	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BÁC	BK16	53-54	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN XUAN PHONG	BK16	90	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM THẾ QUANG	P10	63	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VIET HUAN	P10	65	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN GIA CUONG	P10	66-67	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN TUAN ANH	P10	64	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	17	28	275	1.162	12	15		
2	P10	4	5	34	288	0	0		
3	P3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	33	309	1.450	12	22		
WEIGHT KG				309	1.450	12			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/06/2019	TO: TD1 - BK16 - BK14	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hòì - DUONG - Luy	ETA: 13:10
CAM-3			

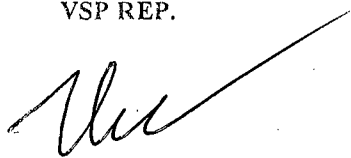
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC LONG	TD1	81	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐINH NGOC HUNG	TD1	73-74	2	15	10	55	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN ĐINH MINH	TD1	71-72	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN CAO TRI	TD1	82-83	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN HỮU QUYNH	TD1	75-76	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HAI NAM	TD1	77	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
7	VÔ VĂN SƠN	TD1	69-70	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH VĂN DUƠNG	TD1	80	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ QUANG TRƯỞNG	TD1	78-79	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐOÀN THANH QUYÊN	BK16	14	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN DUY TRỌNG	BK16	13	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN MANH PHUC	BK16	19	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC THANH	BK16	18	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN DUNG	BK16	15-16	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
15	NGO DUY ĐONG	BK16	17	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGO THANH HAI	BK16	12,76	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CUONG	BK14	23	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH THINH	BK14	24	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN SƠN	BK14	21	1	5	35	75	KH-THAC	Vietnamese
20	LUÔNG TUÂN ANH	BK14	22	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU SY	BK14	25	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC NINH	BK14	20	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

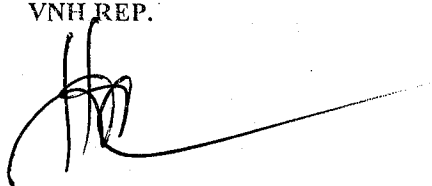
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	15	129	550	10	7		
2	BK16	7	9	76	441	0	9		
3	BK14	6	6	30	417	35	6		
TOTAL		22	30	235	1.408	45	22		
WEIGHT KG				235	1.408	45			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/06/2019	TO: CNV - AMD - HST	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - MMinh - NNam	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN ANH HUNG	CNV	18	1	7	10	79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG MANH	CNV	20	1	10	45	66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHUNG VAN KHANH	CNV	21	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NGOC TRI	CNV					69	KH-THAC	Vietnamese
5	VU QUANG HAI	CNV	24	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN TRUONG	CNV	22	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CONG VAN	CNV	23	1	9		51	KH-THAC	Vietnamese
8	VU NGOC CANH	CNV	36-37	2	14	39	75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH XUAN TOAN	CNV	34-35	2	20		65	T-TIN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN MINH	CNV	25-26	2	17		78	T-TIN	Vietnamese
11	ĐAU ĐUC NGOC	CNV	19	1	3		95	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THUY	AMD	55	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH HA	AMD	56-57	2	16		54	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG VAN ĐONG	AMD	58	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	59-61	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SY QUYEN	AMD	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HUU ĐANG	AMD	52-53	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRAI	AMD	50	1	14		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THI	AMD	54	1	2		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN BA QUAN	HST	36-37	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN PHANG	HST	35	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
22	VO TRUNG HIEU	HST	34	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	11	13	98	788	94	7		
2	AMD	8	12	85	522	0	7		
3	HST	3	4	24	216	0	8		
TOTAL		22	29	207	1.526	94	22		
WEIGHT KG				207	1.526	94			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN